TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liễu
Ông Nguyễn Viết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị L - Sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà: Bùi Thị H (đã chết); không có chồng và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2013 bị TAND thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố S) xử phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/4/2022, đến ngày 11/4/2022 bị áp dụng biện pháp tạm giam bằng lệnh "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T

Người làm chứng: 1. Anh Nguyễn Ngọc D – sinh năm 1990;
Địa chỉ: Khu phố C, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.
2. Anh Lê Văn V – sinh năm 1999;
Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.
3. Anh Cao Văn K – sinh năm 1997;
Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.
4. Anh Trần Ngọc B – sinh năm 2002;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Bùi Văn D1 – sinh năm 1973;

6. Chị Đinh Thị H1 – sinh năm 1975;

7. Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1974;

8. Ông Nguyễn Hữu B1 – sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

9. Anh Nguyễn Văn O – sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và người bào chữa. Vắng mặt những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 08/4/2022, tổ công tác Công an phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra hành chính tại khu nhà trọ của ông Bùi Văn D1 ở tổ dân phố L, phường T, thành phố S phát hiện tại phòng trọ thứ 2 do Lê Thị L ở thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa thuê ở tại ngăn kéo tủ nhựa có 06 túi nilon kích thước 5x8cm viền màu đỏ gồm: 02 túi bên trong mỗi túi đều chứa 05 viên nén màu xanh hình kim cương; 01 túi chứa 04 viên nén màu xanh hình kim cương; 01 túi chứa 03 viên nén màu xanh hình kim cương; 01 túi chứa 02 viên nén màu xanh hình kim cương; 01 túi chứa mảnh viên nén màu xanh và 03 túi nilon kích thước 4x4cm viền màu đỏ bên trong đều chứa các hạt tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu M1). Sau đó, Lê Thị L lấy từ trên kẽ tường phòng trọ 01 túi nilon kích thước 5x8cm viền màu đỏ chứa 03 viên nén màu xanh hình kim cương giao nộp (niêm phong ký hiệu M2). L khai nhận là ma túy mua về sử dụng. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của Lê Thị L 01 điện thoại nokia 105 (niêm phong ký hiệu M3) và 01 điện thoại Oppo A16 (niêm phong ký hiệu M4) và đưa người cùng tang vật về trụ sở để làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 1355/KL-KTHS ngày 11/4/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- 19 viên nén màu xanh, hình kim cương của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 8,558 gam, loại MDMA.

- Mảnh viên nén màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,246 gam, loại MDMA.

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,944 gam, loại Ketamine.

- 03 viên nén màu xanh, hình kim cương của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 1,355 gam, loại MDMA.

Quá trình điều tra, Lê Thị L khai nhận: Khoảng 18 giờ 00 ngày 07/4/2022, Lê

Thị L gặp Vũ Thị M1 ở khu phố T, phường Q, thành phố S hỏi mua 25 viên thuốc lắc và 03 túi Ketamine với giá 12.800.000 đồng. Do chưa có tiền trả nên L khất nợ trả sau, M1 đồng ý. L đem ma túy về phòng trọ chia số thuốc lắc đựng trong 07 túi nilon, cất 01 túi chứa 03 viên thuốc lắc vào trong túi áo chống nắng để ở giá treo quần áo, còn lại 06 túi chứa 22 viên thuốc lắc và 03 túi Ketamine, L cất trong ngăn kéo tủ nhựa. Sau đó, L lấy 2,5 viên thuốc lắc trong ngăn tủ nhựa ra sử dụng, phần còn lại vẫn để trong tủ nhựa. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, Nguyễn Văn O là bạn đến phòng trọ L chơi rồi ngủ. Lúc này, L lấy một ít Ketamine ra sử dụng.

Đến khoảng 04 giờ 00 ngày 08/4/2022, có người nam giới gọi điện thoại cho Lê Thị L đến trước cổng trường Nguyễn Thị L1 để đón bạn. L mặc áo chống nắng, đi xe máy đến ngã ba đèn đỏ giao nhau giữa đường N với đường T thuộc phường T, thành phố S. Khi vừa đến nơi thì bị 04 nam thanh niên là Nguyễn Ngọc D, Trần Ngọc B, Cao Văn K, Lê Văn V chặn xe. D túm tóc và dùng tay chân đánh, bắt ép L ngồi lên xe máy của V để về phòng trọ của L.

Tại phòng trọ, Trần Ngọc B nhìn thấy trên nền nhà ngay gần cửa phòng vệ sinh giáp móc treo quần áo có 01 túi nilon chứa 03 viên thuốc lắc màu xanh, B cầm lên cho vào túi áo để đem về. Cùng lúc này, Lê Văn V đến Công an phường T trình báo ở gần nhà văn hóa tổ dân phố L2, phường T có người bán ma túy, không cung cấp thông tin và rời đi. Công an phường xác minh qua công tác kiểm tra hành chính về cư trú ở khu nhà trọ của ông Bùi Văn D1. Khi đến khu nhà trọ, Trần Ngọc B thấy lực lượng công an nên giấu túi nilon chứa 03 viên thuốc lắc lên kẽ tường áp mái tôn trước cửa phòng Lê Thị L. Tại phòng trọ của Lê Thị L, Công an phường phát hiện tại ngăn kéo tủ nhựa của Lê Thị L có 06 túi nilong chứa tổng cộng 19,5 viên thuốc lắc màu xanh và 03 túi Ketamine. Trong lúc đang kiểm tra, chị Đinh Thị H1 (vợ ông Bùi Văn D1) phát hiện trên kẽ tường áp mái tôn có túi nilon nên báo với lực lượng Công an. Lúc này, Công an phường yêu cầu Lê Thị L có ma túy cất giấu thì giao nộp. Lê Thị L tự lấy từ kẽ tường mái tôn 01 túi nilon bên trong chứa 03 viên thuốc lắc, thừa nhận là ma túy của mình và giao nộp.

Vật chứng của vụ án gồm: Số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Minh T2, Chu Văn H2, Hoàng Nhất V1 và các hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16; 01 điện thoại Nokia 105 hiện đang quản lý theo hồ sơ vụ án

Cáo trạng số 29/CTr-VKS-HS ngày 31/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố Lê Thị L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại đểm n khoản 2 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: điểm n khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s, n khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đề nghị tuyên bố: Lê Thị L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Mức án

đề nghị xử phạt Lê Thị L từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong phong bì thư được niêm phong, dán kín; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A16 và 01 điện thoại N; Đề nghị truy thu số tiền bị cáo khai sử dụng vào việc mua ma túy; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo thống nhất với hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh của bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Lê Thị L khai nhận do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo đã mua 12.800.000 đồng tiền ma túy mang về cất giấu tại phòng trọ của mình tại tổ dân phố L, phường T, thành phố S. Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 08/4/2022 Công an phường T đã kiểm tra hành chính phòng trọ của bị cáo, phát hiện bắt quả tang bị cáo đang tàng trữ trái phép 10,159 gam ma túy loại MDMA và 1,944 gam ma túy loại Ketamine. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo đã mua ma túy về sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, bản thân bị cáo từng bị kết án về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội do đó cần phải xử lý nghiêm minh. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51

BLHS. Do đó khi lượng hình cũng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, là lao động tự do và đang nuôi con nhỏ nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Tang vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; Đối 02 chiếc điện thoại của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần xem xét trả lại cho bị cáo

[7] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền Số tiền 12.800.000đ bị cáo khai nhận dùng để mua ma túy nhưng chưa trả cho người bán nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước

[8] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

Xử phạt: Lê Thị L 06 (sáu) năm tù, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ (từ ngày 08/4/2022 đến ngày 11/4/2022). Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định, đựng trong 01 phong bì thư do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, dán kín và niêm phong; Trả lại 01 điện thoại OPPO A16 và 01 điện thoại Nokia 105 cho bị cáo Lê Thị L. Các vật chứng là tang vật của vụ án được tạm giữ và mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng số 37/BBVC-CCTHA ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Biện pháp tư pháp: Truy thu từ bị cáo Lê Thị L số tiền 12.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng